TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1016**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 12 - 11 - 2019
V/v tranh chấp về hủy hợp đồng tặng cho và chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 10, 05 và 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hủy hợp đồng tặng cho và chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 332/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4104/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 09 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 8084/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9650/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Kim Q, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số X Đường C, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957(có mặt)

Theo giấy ủy quyền ngày 30/10/2018.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Số X Đường C, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Biện Ngọc A, sinh năm 1965 (có mặt)

Theo giấy ủy quyền ngày 14/3/2019.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Kim Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Trần Kim Q trình bày:

Năm 1979, ông và bà Nguyễn Thị Kim T có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986 ông bà có mua căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ X Đường C, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1998, ông bà được bảo lãnh định cư nước ngoài nhưng bà T không đồng ý đi nên ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 38/QĐTTLH ngày 13/3/1998. Theo quy định của nhà nước đối với người Việt Nam trước khi xuất cảnh không có bất động sản trên đất nước Việt Nam nên ngày 25/11/2005 ông Q đã kí hợp đồng tặng cho một phần nhà đất nói trên cho bà T tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài hợp đồng tặng cho, ông bà còn ký kết văn bản thỏa thuận ủy quyền tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim T ở và quản lý, sử dụng, không được quyền chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp căn nhà và đất nêu trên dưới bất kì hình thức nào trong thời gian ông ở nước ngoài. Văn bản này có chữ kí xác nhận của hai bên và giao cho bà T giữ. Năm 2013 ông Q hồi hương trở về Việt Nam và sống tại địa chỉ trên với bà T. Do trong quá trình sống chung giữa ông và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông Q yêu cầu bà T trả cho ông ½ giá trị căn nhà và đất tại đại chỉ trên nhưng bà T không đồng ý. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim T lập ngày 25/11/2005 tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Công nhận ½ giá trị căn nhà và đất tại số X Đường C, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông.

3.Chia cho ông ½ giá trị căn nhà và đất có giá trị 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng.

Theo bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T, có ông Biện Ngọc A là đại diện trình bày:

Ông Trần Kim Q và bà Nguyễn Thị Kim T có đăng kí kết hôn vào năm 1979. Bà T và ông Q trong thời kì hôn nhân có mua căn nhà tại địa chỉ số X Đường C, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1998 ông Q được gia đình bảo lãnh đi nước ngoài nên ông và bà thuận tình ly hôn. Năm 2005 ông

Q kí hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) cho bà T, được quyền định đoạt tài sản trên. Đồng thời ông Q cũng đã làm tờ cam kết xác nhận đây là tài sản riêng của bà T tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2013, ông Q trở về Việt Nam không nơi sinh sống đã xin bà T cho ở nhờ từ đó đến nay nên đối với những yêu cầu khởi kiện của ông Q bà T không đồng ý.

Tại Bản án số 332/2019/HNGĐ-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim Q về hủy hợp đồng tặng cho và chia tài sản chung sau ly hôn.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T hỗ trợ cho ông Q tiền thuê nhà 2.000.000 đồng/ tháng trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp Luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 01/7/2019, ông Trần Kim Q là bị đơn nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người kháng cáo là ông Trần Kim Q và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn D trình bày: trước khi ông Q đi xuất cảnh sang Hoa Kỳ, ông Q có làm hợp đồng tặng cho bà T một phần căn nhà số X Đường C Phường K Quận M, nhưng đây là cho về mặt pháp lý để đảm bảo thủ tục đi xuất cảnh, còn thực tế ông Q làm hợp đồng ủy quyền cho bà T được quản lý nhà đất này chứ không cho sở hữu, sau khi đi một thời gian ông Q về Việt Nam ở và vẫn chung sống với bà T, sinh hoạt vợ chồng bình thường. Do đó nhà đất trên vẫn là tài sản chung của 2 vợ chồng chưa chia, ông không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, hủy hợp đồng tặng cho nhà đất ngày 25/11/2005 giữa ông Q và bà T, chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi chia ½ trị giá nhà đất tương đương 1.500.000.000 đồng của ông. Đồng thời, ông xin rút lại một phần yêu cầu kháng cáo về việc đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang số H02522 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp cho bà T ngày 15/03/2019, không yêu cầu giải quyết nữa.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T có người đại diện hợp pháp là ông Biện Ngọc A trình bày: không đồng ý yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đòi chia ½ trị giá nhà đất trên cho ông Q vì căn nhà trên ông Q đã tặng cho bà T, có văn bản xác nhận đây là tài sản riêng của bà T từ trước khi ông Q đi xuất cảnh sang Hoa Kỳ. Tuy nhiên, Bà T đồng ý hỗ trợ thêm cho ông Q tiền thuê nhà là 3.000.000đ/tháng trong thời hạn 02 năm, thay vì 2.000.000đ/tháng như ở sơ

thẩm, với điều kiện ông Q phải dọn ra khỏi nhà bà T ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Q không đồng ý thì đề nghị tòa án y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của ông Q còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung kháng cáo: Xét thấy hợp đồng tặng cho một phần nhà đất giữa ông Q và bà T ngày 25/11/2005 được công chứng hợp pháp, ông Q kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp được chứng cứ nào khác nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo; về việc rút một phần yêu cầu kháng cáo đề nghị tòa ghi nhận; vì vậy đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Trần Kim Q làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số công chứng 039069 lập tại Phòng công chứng nhà nước số 4 TPHCM ngày 25/11/2005; nội dung ông Q tặng cho bà T một phần nhà đất thuộc quyền sử dụng của ông trong căn nhà số X Đường C Phường K Quận M; từ đó chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho ông Q là đồng sở hữu bất động sản trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 370415 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp cho ông Q bà T ngày 04/11/2005; Xét thấy, hợp đồng tặng cho nói trên đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, ông Q hoàn toàn tự nguyện và có đủ năng lực hành vi dân sự khi giao kết hợp đồng, mục đích và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Ông Q trình bày có ký hợp đồng ủy quyền tạm giao cho bà T quản lý nhà đất trên chứ không cho luôn nhưng không xuất trình được chứng cứ này, các căn cứ này ông Q đã trình bày tại tòa sơ thẩm và được tòa sơ thẩm xem xét, đánh giá đầy đủ; tại tòa phúc thẩm ông Q không cung cấp thêm được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp,do đó, không có cơ sở hủy hợp đồng tặng cho nói trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Q.

Đối với việc rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang số H02522 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp cho bà T ngày 15/03/2019 tại phiên tòa phúc thẩm ông Q đã rút lại, không yêu cầu giải quyết nữa; việc rút một phần yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu này như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Đối với số tiền hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông Q là 3.000.000đ/tháng bà T chỉ đồng ý hỗ trợ với điều kiện ông Q đồng ý ra khỏi nhà ngay khi án có hiệu lực pháp luật nhưng ông Q không đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm ông Q được miễn nộp, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148, Điều 306 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 122, Điều 124, Điều 125 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Kim Q về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Kim Q. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 332/2019/HNGĐ-ST ngày 19/06/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim Q về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số công chứng 039069 lập tại Phòng công chứng nhà nước số 4 TPHCM ngày 25/11/2005 và chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim T hỗ trợ cho ông Trần Kim Q tiền thuê nhà 2.000.000 đồng/tháng trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Kim Q về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang số H02522 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp cho bà Nguyễn Thị Kim T ngày 15/03/2019.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Q tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0017104 ngày 14/3/2019 và 28.500.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0016850 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M;
- TAND Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương